

Bản án số: **43/2018/HNGĐ-ST**

Ngày **05/9/2018**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Minh T** – sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Đỗ Thị Ngọc G** – sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh T1 trình bày:**

Anh T1 và chị Đỗ Thị Ngọc G quen biết và chung sống với nhau vào ngày 09/10/2009, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt không thể hàn gắn được. Anh T1 thấy tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc nên anh làm đơn xin ly hôn với chị G.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 1 con chung: Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01/8/2010, hiện đang sống với chị G.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh T1 yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị G.

- *Về con chung:* Anh T1 đồng ý giao cho chị Đỗ Thị Ngọc G tiếp tục nuôi con Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01/8/2010, anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ nửa năm 01 lần. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 28/9/2018.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa bị đơn chị Đỗ Thị Ngọc G trình bày:** Chị G đồng ý với lời trình bày của anh T1 về ngày vợ chồng chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, không có tài sản chung và không có nợ chung như trên là đúng.

Tại phiên tòa chị G yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G đồng ý ly hôn với anh T1.

- *Về con chung:* Chị G yêu cầu được nuôi con Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01/8/2010, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Minh T2 đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nửa năm 01 lần, bắt đầu vào ngày 28/9/2018.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T1 được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị G là vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì anh, chị chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp quy định: “Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận hôn nhân giữa họ”. Chính vì vậy, xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị G không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Anh T1 và chị G phù hợp với nguyện vọng cháu Nguyễn Minh T2: Giao cho chị G tiếp tục nuôi người con tên

Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01/8/2010. Anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ nửa năm 01 lần, thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện vào ngày 28/9/2018.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh T1 và chị G xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí:

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T1 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Về án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Minh T1 phải nộp 300.000đ, nhưng anh T1 và chị G đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, nên anh T1 chỉ phải chịu 50% mức án phí là 150.000đ. Do vậy, anh T1 phải chịu tổng cộng là 450.000đ, nhưng anh T1 được khấu trừ số tiền đã tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005083 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Nên anh T1 còn phải nộp thêm số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 58, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Nguyễn Minh T và chị Đỗ Thị Ngọc G là vợ chồng.

2. *Về quan hệ con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Minh Thuận, chị Đỗ Thị Ngọc G, và nguyện vọng của cháu T2. Giao cho chị Đỗ Thị Ngọc G tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01/8/2010.

Anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ nửa năm 01 lần, thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện vào ngày 28/9/2018.

Chị Đỗ Thị Ngọc G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Minh T1 tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Minh T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Về án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Minh T1 phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Cộng chung án phí anh Nguyễn Minh T1 phải nộp 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng Anh T1 được khấu trừ số tiền đã tạm nộp án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005083 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Nên anh T1 còn phải nộp thêm số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến